

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2021

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2021, về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2021/QĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1990.

HKTT: Xã C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Lê Đức H1**, sinh năm 1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xã C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: Nhật Bản (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị K, sinh năm 1963, địa chỉ: Xã C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị H trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Lê Đức H1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 tại UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một

thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H1 không chịu khó làm ăn, mãi chơi dẫu tới vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Năm 2018, anh H1 đi lao động tại Nhật Bản, ít khi về nước, không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị H và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đức H1.

- *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân chị H, anh H1 có 01 con chung là cháu Lê Minh K1, sinh ngày 27/5/2015. Hiện nay, cháu K1 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình*: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh H1 tại Nhật Bản nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình anh H1, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh H1. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Trần Thị K là mẹ đẻ của anh Lê Đức H1. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2021 và 06/5/2021, bà K trình bày: Chị H và anh H1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 tại UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, anh H1 đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản. Anh H1 đã được bà thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Sau khi được bà thông báo, anh H1 thông tin lại và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh H1 nhất trí đồng ý ly hôn chị H. Do anh H1 không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Nhật Bản và bản thân bà cũng không nắm được nên bà không thể cung cấp cho Tòa án.

Bà Trần Thị K xác định: Vợ chồng anh H1, chị H có 01 con chung là cháu Lê Minh K1 sinh ngày 27/5/2015. Hiện nay, cháu K1 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 có trao đổi với bà là nhất trí để chị H tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H. Vợ chồng anh H1, chị H không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 10967/QLXNC-P5 ngày 10/5/2021 thể hiện: Anh Lê Đức H1, sinh ngày 06/11/1986 tại Hải Dương, CCCD số: 030086004481, địa chỉ thường trú tại: Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; đã sử dụng hộ chiếu số

C4599297 đề xuất nhập cảnh lần gần nhất ngày 16/4/2018 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị **Hội** đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Lê Đức H1; Về con chung: Giao cháu Lê Minh K1, sinh ngày 27/5/2015, cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng cho con **chung**; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị H có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Đức H1, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 tại UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Sau đó, anh H1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2018 đến nay. Từ khi anh H1 đi nước ngoài, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh H1 cũng được gia đình anh H1. HĐXX xét thấy, hôn nhân của chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị H ly hôn với anh H1 là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Lê Minh K1 sinh ngày 27/5/2015. Hiện nay, cháu K1 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1 và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ. Bản thân chị H có chỗ ăn ở, có sức lao động nên đủ điều kiện nuôi con. Anh H1 đang đi lao động ở nước ngoài. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên việc giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, anh H1 về Việt Nam sinh sống có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi quyền nuôi con theo quy định. Do chị H tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, sau này chị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị H và anh H1 không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Vũ Thị H. Xử cho Chị Vũ Thị H ly hôn anh Lê Đức H1.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho Chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Minh K1, sinh ngày 27/5/2015 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền khởi kiện yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Đức H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0005831 ngày 08/4/2021. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Lê Đức H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, **VP**.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Tuấn